

Bản án số: 620/2018/DS-ST

Ngày: 20-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

2. Bà Vũ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2018/TLST-DSST ngày 29 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2018/QĐST-DS ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V.

Địa chỉ: Tầng v tòa nhà VC, số x đường L, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồng Quốc T- Tổ trưởng Phòng khách hàng cá nhân, chi nhánh Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 51/2018/EIBQ4/UQ-GD ngày 15/10/2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V- Chi nhánh Quận 4).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thu H (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà A1 đường T, Phường V, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2018 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 04/11/2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V với bà Nguyễn Thu H ký Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tính dụng quốc tế (Visa Violet), hạn mức tín dụng tối đa là 200.000.000 đồng. Theo đó

ngày 04/11/2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V phát hành thẻ quốc tế cho bà H, số thẻ VV 017259.

Quá trình sử dụng, chủ thẻ bà H đã dùng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng và các khoản phí phát sinh tạm tính đến ngày khởi kiện 23/05/2018 (ngày khóa thẻ đối với bà H là ngày 01/02/2018), với số tiền cụ thể:

Nợ gốc: 189.806.135 đồng.

Nợ lãi và phí: 29.381.210 đồng.

Tổng số tiền: 219.187.345 đồng.

Số tiền bà H đã thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 30/01/2018 là 775.183.368 đồng, (gốc là 676.631.450 đồng, lãi là 63.673.605 đồng, phí trễ hạn 33.652.713 đồng, phí thường niên và SMS là 1.225.600 đồng).

Tính đến ngày khởi kiện 05/6/2018, số tiền bà H còn nợ tạm tính là 219.187.345 (gồm nợ gốc: 189.806.135 đồng, nợ lãi và phí: 29.381.210 đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thu H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hồng Quốc T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền còn nợ là 284.033.713 đồng, trong đó nợ gốc: 189.806.135 đồng, nợ lãi: 83.746.864 đồng, phí vượt hạn mức: 2.752.820, phí trễ hạn thanh toán: 7.727.894 đồng.

Lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 21/11/2018 cho đến khi bà Nguyễn Thu H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí thỏa thuận trong hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thu H trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp đồng dân sự” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn bà Nguyễn Thu H cư trú tại Quận 10, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thu H: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thu H tại địa chỉ: 339/34 A1 đường Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, bà H đã nhận trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhưng cố tình vắng mặt là né tránh trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/11/2014 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V với chủ thẻ bà Nguyễn Thu H có cơ sở để xác định bà H có sử dụng thẻ Visa Violet của ngân hàng với hạn mức là 200.000.000 đồng. Theo nội dung trong hợp đồng thì bà H cam kết sử dụng thẻ theo đúng quy định trong hợp đồng với Ngân hàng, chịu mọi trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan đến việc sử dụng thẻ được Ngân hàng cấp. Ngày 01/11/2014 bà Nguyễn Thu H đã ký nhận thẻ. Theo đó bà H phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và các khoản lãi, phí phát sinh nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Xét, tại các bản sao kê do Ngân hàng cung cấp, thể hiện chủ thẻ bà H đã sử dụng thẻ tín dụng nói trên để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng và các khoản phí phát sinh tính từ ngày Ngân hàng phát hành thẻ (04/11/2014) đến ngày 01/02/2018 (ngày Ngân hàng khóa thẻ), bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 775.183.368 đồng, (trong đó gốc: 676.631.450 đồng, lãi: 63.673.605 đồng, phí trễ hạn: 33.652.713 đồng, phí thường niên và SMS: 1.225.600 đồng). Tính đến ngày khởi kiện 05/6/2018 và số tiền tạm tính đến ngày 23/5/2018 bà H còn nợ Ngân hàng số tiền: 219.187.345 đồng (gồm nợ gốc: 189.806.135 đồng, nợ lãi và phí: 29.381.210 đồng).

Tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 31/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 20/11/2018, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền: 284.033.713 đồng, trong đó nợ gốc: 189.806.135 đồng, nợ lãi: 83.746.864 đồng, phí vượt hạn mức: 2.752.820, phí trễ hạn thanh toán: 7.727.894 đồng.

Theo quy định tại Điều 463, và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, bà H đã trả tiền nhiều lần cho nguyên đơn nhưng đến nay vẫn chưa trả hết số tiền còn nợ, nên việc buộc bà H phải trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn là hợp lý, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ các Thông báo biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 955/2011/EIB/TGD-QLT ngày 05/5/2011 hiệu lực ngày 06/5/2011 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V quy định mức phí đối với loại thẻ bà H sử dụng, thì phí trễ hạn thanh toán là 3%/ số tiền thanh toán tối thiểu là 50.000 đồng, phí sử dụng vượt hạn mức là 15%/năm/số tiền vượt hạn mức, tiền lãi là 1,85%/tháng. Thông báo số 2804/2013/EIB/TB-TGD ngày 16/8/2013 hiệu lực ngày 03/9/2013 Thông báo biểu phí ngân hàng đện tử đối với khách hàng cá nhân thì số lượng tin nhắn phát sinh trong quý là 24.000 VNĐ/tài khoản/thuê bao/quý. Thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả khách hàng số 637/2016/EIB/TB-TTT ngày 13/4/2016 hiệu lực ngày 29/4/2016 thì lãi suất đối với loại thẻ bà H sử dụng là 24.0%/năm (2.0%/tháng). Thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả

khách hàng số 9071/2018/EIB/TB-TTT ngày 04/7/2018 hiệu lực ngày 10/7/2018 thì lãi suất đối với loại thẻ bà H sử dụng là 25.2%/năm (2.1%/tháng).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Và theo thỏa thuận hợp đồng sử dụng thẻ nói trên, bà H đồng ý ký hợp đồng và cam kết hiểu và chấp nhận các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ là bà H mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi, và các khoản phí phát sinh theo quy định của ngân hàng.

[5] Về thời hạn thanh toán:

Do bà Nguyễn Thu H vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ, nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V, buộc bà Nguyễn Thu H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 284.033.713 đồng, trong đó nợ gốc: 189.806.135 đồng, nợ lãi: 83.746.864 đồng, phí vượt hạn mức: 2.752.820, phí trễ hạn thanh toán: 7.727.894 đồng.

[6]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các điều 465, 466, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V số tiền còn nợ là 284.033.713 đồng (hai trăm tám mươi tư triệu không trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm mười ba đồng).

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 21/11/2018 cho đến khi bà Nguyễn Thu H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định của ngân hàng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm là 14.201.686 đồng (mười bốn triệu hai trăm lẻ một ngàn sáu trăm tám mươi sáu đồng), bà Nguyễn Thu H phải chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.479.684 đồng (năm triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn sáu trăm tám mươi tư đồng), theo biên lai thu tiền số 0040975 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân